

BẢN TIN DỰ BÁO (ĐỘT XUẤT)
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO SẢN XUẤT VÀ ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC
CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP - MÙA KIẾT NĂM 2019
(từ 8/4-20/4/2019 – Cập nhật thông tin giảm xả nước từ Thủy điện
Cảnh Hồng từ 11/4 đến 17/4/2019)

1. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC SÔNG MÊ CÔNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢM XẢ NƯỚC CỦA THỦY ĐIỆN TRUNG QUỐC

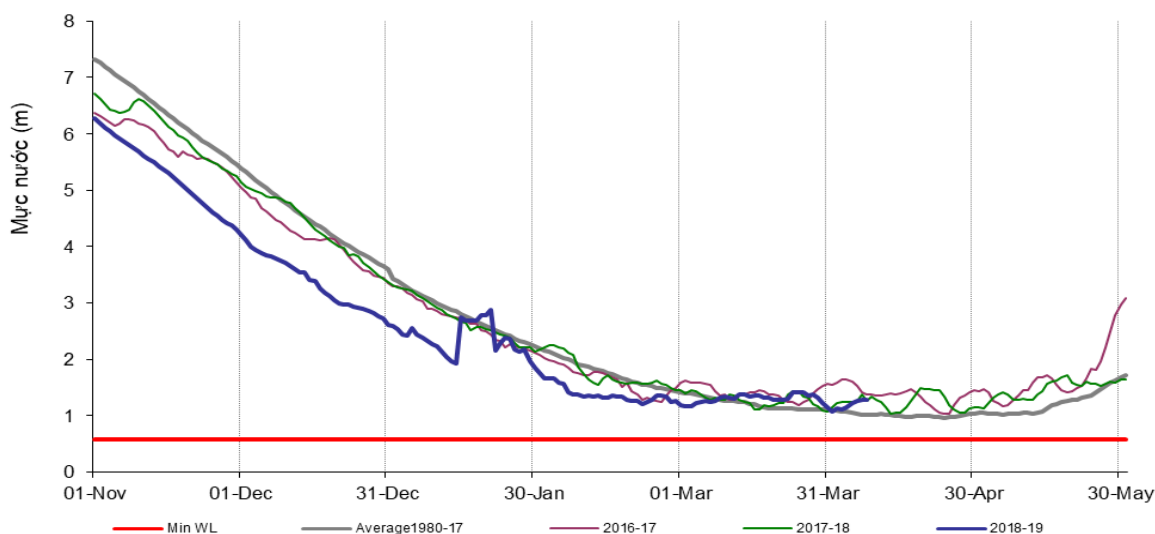
Theo thông báo mới đây của Bộ Thủy lợi thuộc Cộng Hòa nhân dân Trung Hoa ngày 8/4/2019 để phục vụ cho lễ hội tết nước truyền thống trên lưu vực, từ ngày 11/4 đến ngày 17/4/2019 lưu lượng xả ra từ thủy điện Cảnh Hồng xuống hạ lưu sẽ giảm từ 2000-3000 m³/s xuống còn 1500-1600 m³/s.

Hiện nay, lưu vực sông Mê Công đang vào thời kỳ giữa – cuối mùa khô năm 2019. Hai yếu tố thượng lưu quan trọng đến nguồn nước, xâm nhập mặn ở ĐBSCL là lượng trữ trong Biển Hồ (Tonle Sap) và dòng chảy trên dòng chính sông Mê Công). Dưới đây là hiện trạng của hai yếu tố này cập nhật đến hiện tại.

1.1. Chế độ nước trong Biển Hồ (Tonle Sap)

Mức nước nhánh vào hồ Tonle Sap tại Prek Kdam (Hình 1), ngày 8/04 ở cao trình 1,28m; hiện nước chảy vào/ra theo dao động tương quan với mức nước sông Mê Công và mức nước hồ. Cao hơn so với trung bình nhiều năm 0,26m. Dung tích hồ hiện hữu khoảng trên dưới 1,0 tỷ m³, lượng điều tiết hàng ngày từ hồ xuống hạ lưu ở thời điểm hiện tại được xem là không đáng kể.

Mức nước hồ Tonle Sap tại Prek Kdam

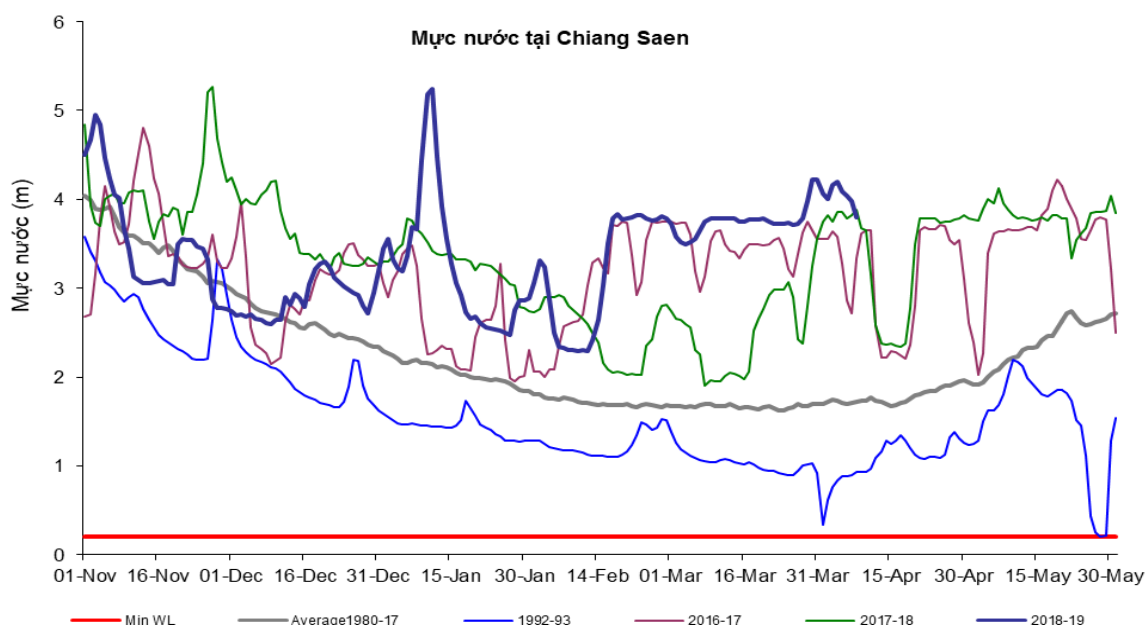


Hình 1. Diễn biến nước trạm Prek Kdam - Biển hồ, cập nhật ngày 8/04

1.2. Dòng chảy trên dòng chính sông Mê Công

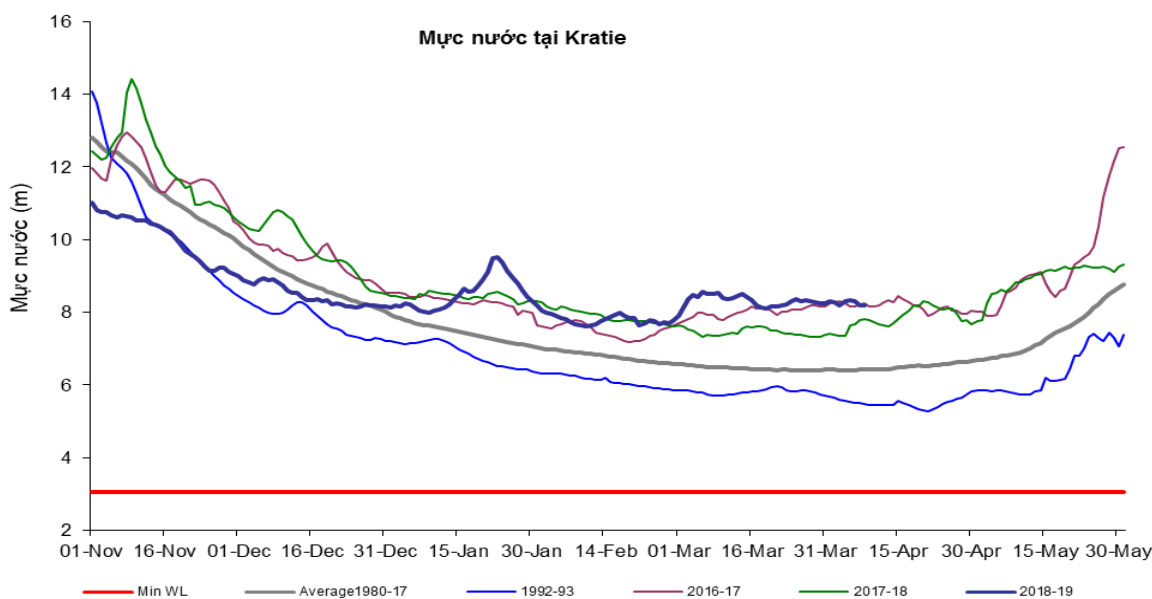
Hình 2 và Hình 3 giới thiệu diễn biến mực nước đến ngày 8/04/2019 tại trạm Kratie và trạm Chiang Saen trên dòng chính sông Mê Kông về đồng bằng. Từ biểu đồ cho thấy, từ giữa tháng 12/2018 các thủy điện Trung Quốc đã gia tăng phát điện góp phần gia tăng dòng chảy điều tiết về đồng bằng:

- Mực nước tại trạm Chiang Saen (Giáp với Trung Quốc, cách Việt Nam khoảng 2.209km) hiện tại (ngày 8/04/2019) ở mức cao hơn so với cùng kỳ năm 2018 và cao hơn trung bình nhiều năm hơn 2m.



Hình 2. Diễn biến mực nước(cao độ tương đối) tại Chiang Saen –Thái Lan, cập nhật 8/04

- Tại trạm Kratie (trạm gần đồng bằng), dòng chảy hiện tại (ngày 8/04/2019) về Đồng bằng so với cùng năm 2018 cao hơn 0,37 m và cao hơn khoảng 1,76m so với trung bình nhiều năm.



Hình 3. Diễn biến nước về qua trạm Kratie, cập nhật ngày 8/04

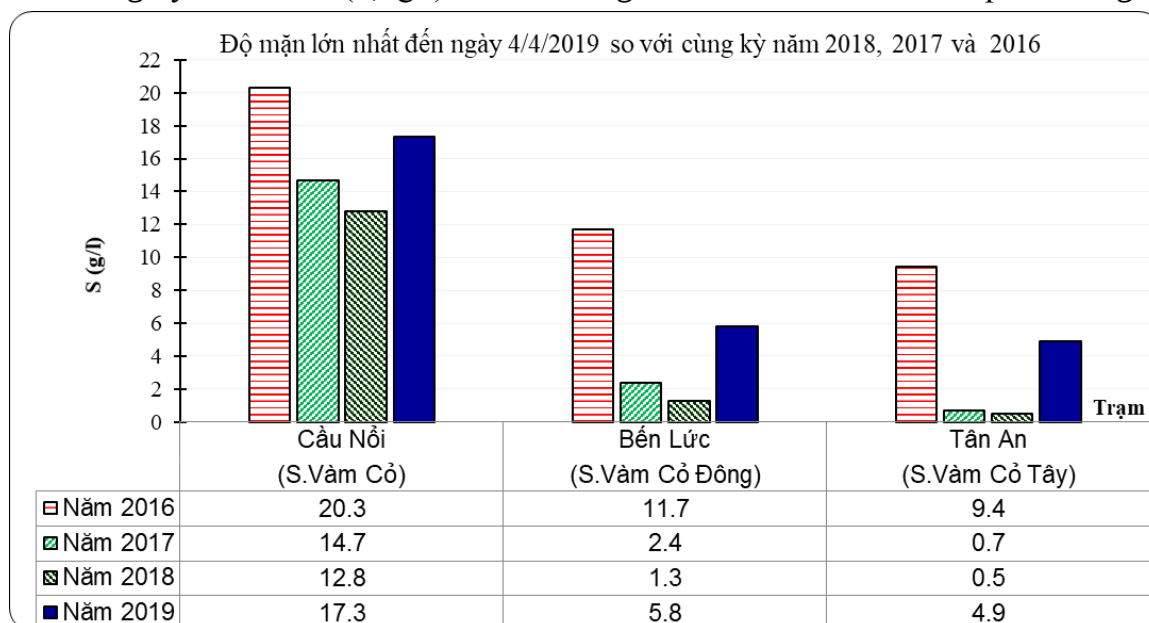
- Mức nước đầu nguồn đồng bằng hiện thấp hơn so với mức nước các năm 2017 và 2018 ở cùng thời kỳ tại Tân Châu và Châu Đốc khoảng 10-15 cm.

2. HIỆN TRẠNG MẶN XÂM NHẬP

2.1. Vùng hai sông Vàm Cỏ

Hiện trạng xâm nhập mặn vùng hai sông Vàm Cỏ từ đầu mùa khô đến hiện tại (ngày 4/4/2019), độ mặn xuất hiện lớn nhất so với cùng kỳ (CK) năm 2018 và một số năm gần đây (xem hình 4), trích lược một số trạm chính như dưới đây:

- Trên dòng chính sông Vàm Cỏ, tại trạm Cầu Nổi: độ mặn lớn nhất đạt 17,3g/l so với cùng kỳ năm 2018 (12,8g/l) cao hơn 4,5g/l và thấp hơn 3g/l so với 2016.
- Trên sông Vàm Cỏ Đông, tại trạm Bến Lức: độ mặn lớn nhất đạt 5,8g/l so với cùng kỳ năm 2018 (1,3g/l) cao hơn 4,5g/l và so với năm 2016 thấp hơn 5,9g/l.
- Trên sông Vàm Cỏ Tây, tại trạm Tân An: độ mặn lớn nhất đạt 4,9g/l so với cùng kỳ năm 2018 (0,5g/l) cao hơn 4,4g/l và so với năm 2016 thấp hơn 4,5g/l.



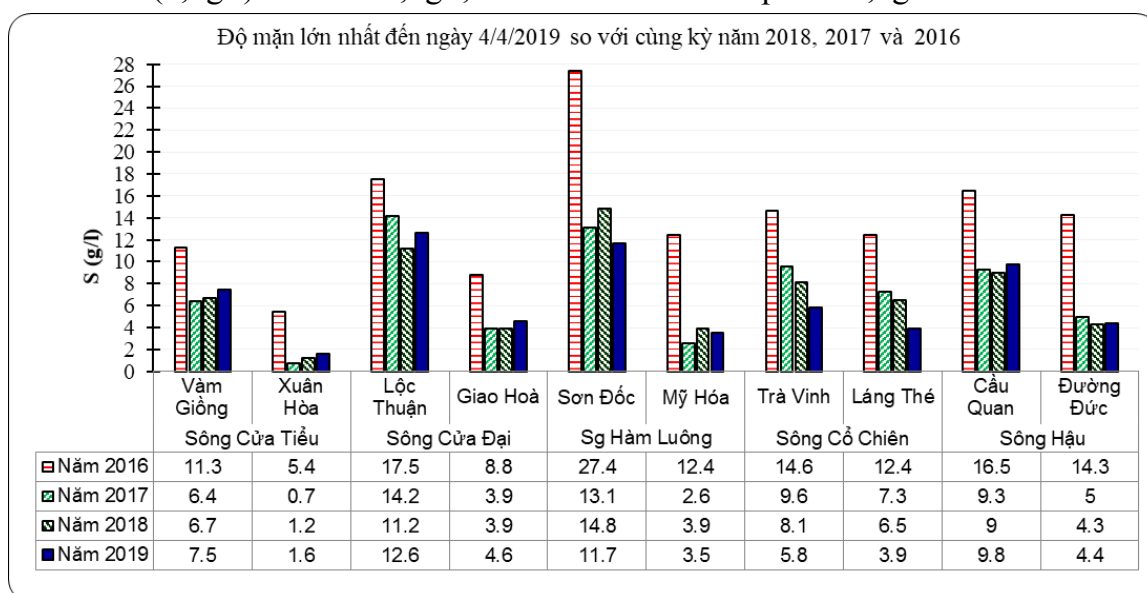
Hình 4. Biểu đồ nồng độ mặn lớn nhất đến ngày 4/4/2019 tại một số trạm điển hình vùng Hai sông Vàm Cỏ so với cùng kỳ năm 2018 và một số năm gần đây

2.2. Vùng cửa sông Cửu Long

Hiện trạng xâm nhập mặn vùng cửa sông Cửu Long từ đầu mùa khô đến ngày 4/4/2019, độ mặn xuất hiện lớn nhất so với cùng kỳ (CK) năm 2018 và một số năm gần đây. Trích lược diễn biến độ mặn lớn nhất tại một số trạm chính thuộc vùng cửa sông Cửu Long so với cùng kỳ năm 2018 và năm 2016 (mặn lịch sử) như dưới đây:

- Tại Vàm Giồng, trên sông Cửa Tiểu: độ mặn lớn nhất đạt 7,5g/l so với cùng kỳ năm 2018 (6,7g/l) cao hơn 0,8g/l, so với năm 2016 thấp hơn 3,8g/l.
- Tại Xuân Hòa, trên sông Cửa Tiểu: độ mặn lớn nhất đạt 1,6g/l so với cùng kỳ năm 2018 (1,2g/l) cao hơn 0,4g/l, so với năm 2016 thấp hơn 3,8g/l.
- Tại Lộc Thuận, trên sông Cửa Đại: độ mặn lớn nhất đạt 12,6g/l so với cùng kỳ năm 2018 (11,2g/l) cao hơn 1,4 g/l, so với năm 2016 thấp hơn 4,9g/l.

- Tại Giao Hoà, trên sông Cửa Đại: độ mặn lớn nhất đạt 4,6g/l so với cùng kỳ năm 2018 (3,9g/l) cao hơn 0,7g/l, so với năm 2016 thấp hơn 4,2g/l.
- Tại Sơn Đốc, trên sông Hàm Luông: độ mặn lớn nhất đạt 11,7g/l so với cùng kỳ năm 2018 (14,8g/l) thấp hơn 3,1g/l, so với năm 2016 thấp hơn 15,7g/l.
- Tại Mỹ Hóa, trên sông Hàm Luông: độ mặn lớn nhất đạt 3,5g/l so với cùng kỳ năm 2018 (3,9g/l) thấp hơn 0,4g/l, so với năm 2016 thấp hơn 8,9g/l.
- Tại Trà Vinh, trên sông Cổ Chiên: độ mặn lớn nhất đạt 5,8g/l so với cùng kỳ năm 2018 (8,1g/l) thấp hơn 2,6g/l, so với năm 2016 thấp hơn 8,5g/l.
- Tại Láng Thè, trên sông Cổ Chiên: độ mặn lớn nhất đạt 3,9g/l so với cùng kỳ năm 2018 (6,5g/l) thấp hơn 2,6g/l, so với năm 2016 thấp hơn 8,5g/l.
- Tại Cầu Quan, trên sông Hậu: Độ mặn lớn nhất đạt 9,8g/l so với cùng kỳ năm 2018 (9,0g/l) cao hơn 0,8g/l, so với năm 2016 thấp hơn 6,7g/l.
- Tại Đường Đức, trên sông Hậu: Độ mặn lớn nhất đạt 4,4g/l so với cùng kỳ năm 2018 (4,3g/l) cao hơn 0,1g/l, so với năm 2016 thấp hơn 9,9g/l.

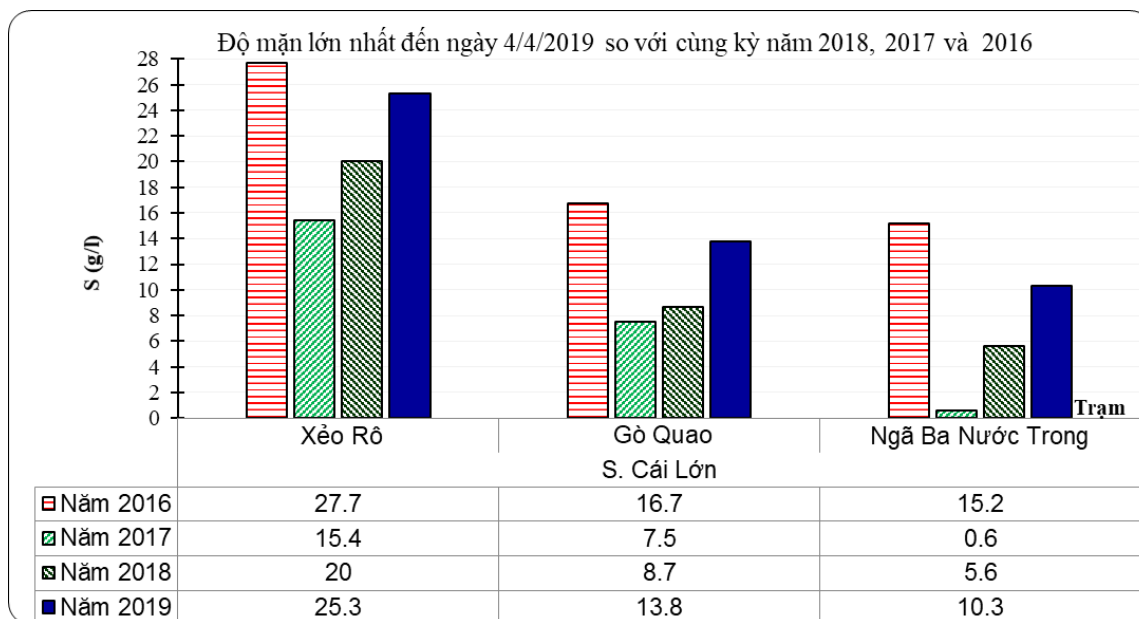


Hình 5. Biểu đồ nồng độ mặn lớn nhất đến ngày 4/4/2019 tại một số trạm điển hình vùng cửa sông Cửu Long so với năm 2018 và một số năm gần đây

2.3. Vùng ven biển Tây

Hiện trạng xâm nhập mặn vùng ven biển Tây, trên sông Cái Lớn từ đầu mùa khô đến ngày 4/4/2019, độ mặn xuất hiện lớn nhất so với cùng kỳ năm 2018 và một số năm gần đây (xem hình 6). Trích lược diễn biến độ mặn lớn nhất tại một số trạm điển hình so với cùng kỳ năm 2018 và năm 2016 (mặn lịch sử) như dưới đây:

- Tại Xẻo Rô, trên sông Cái Lớn: độ mặn lớn nhất đạt 25,3g/l so với cùng kỳ năm 2018 (20g/l) cao hơn 5,3 g/l, so với năm 2016 thấp hơn 2,4g/l.
- Tại Gò Quao, trên sông Cái Lớn: độ mặn lớn nhất đạt 13,8g/l so với cùng kỳ năm 2018 cao hơn 5,1 g/l, so với năm 2016 thấp hơn 2,9g/l.
- Tại Ngã Ba Nước Trong (thuộc tỉnh Hậu Giang): độ mặn lớn nhất đạt 10,3g/l so với cùng kỳ năm 2018 cao hơn 4,7 g/l, so với năm 2016 thấp hơn 4,9g/l.



Hình 6. Biểu đồ nồng độ mặn lớn nhất đến ngày 04/4/2019 tại một số trạm điển hình vùng ven biển Tây trên sông Cái Lớn so với cùng kỳ năm 2018 và một số năm gần đây

Đánh giá chung về hiện trạng mặn nhập đến ngày 04 tháng 4/2019

Mùa khô năm 2018 – 2019 thuộc năm thủy văn có mặn xâm nhập sớm, sâu và nồng độ mặn cao hơn so với những năm gần đây nhưng vẫn thấp hơn so với năm hạn mặn lịch sử trên Đồng bằng năm 2015-2016, cụ thể như dưới đây:

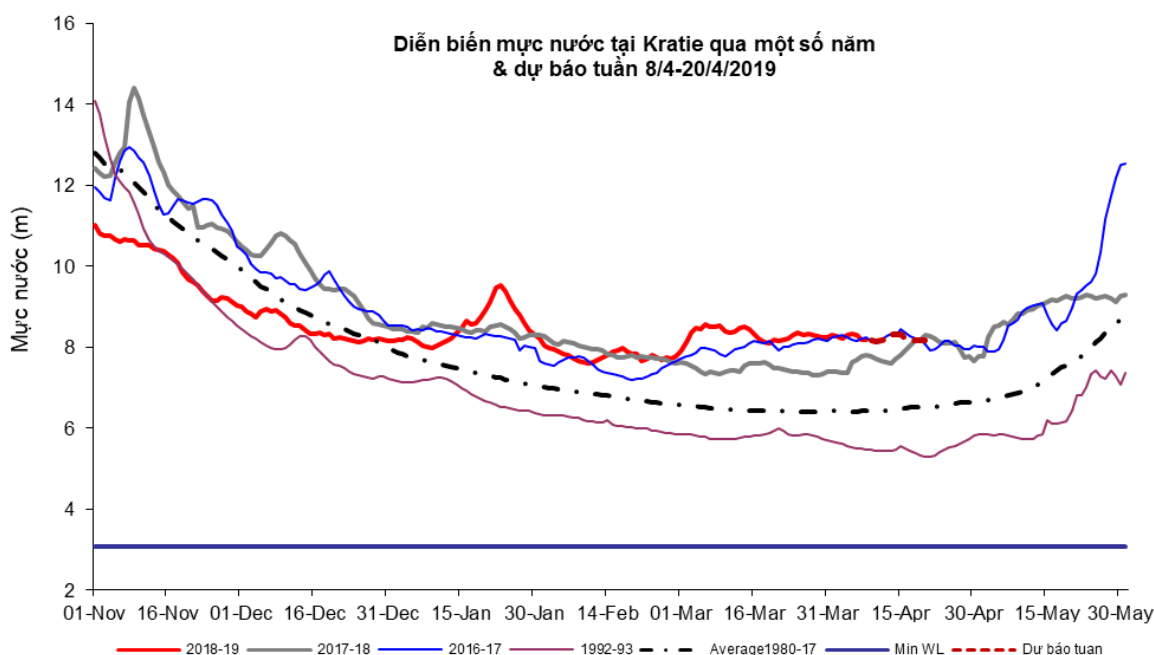
- Khu vực sông Vàm Cỏ: Mặn biến động nhanh từ giữa Tháng 3 sau đó giảm theo kỳ triều cường. Độ mặn lớn nhất so với cùng kỳ năm 2017-2018 cao hơn từ 4g/l đến 4,5g/l, thấp hơn từ 3,0 g/l đến 6g/l so với mùa khô năm 2015-2016 (năm hạn mặn lịch sử trên Đồng bằng). Chiều sâu xâm nhập mặn lớn nhất (ranh 4g/l) đến ngày 04/4/2019 khoảng 70-80km, so với cùng thời kỳ năm 2017-2018 sâu hơn 18-30km, thấp hơn gần 10-20km so với mùa khô năm 2015-2016.
- Khu vực cửa Sông Cửu Long: Mặn xuất hiện sớm so với những năm gần đây từ 1-2 tháng (tùy cửa sông) nhưng đỉnh mặn cao không duy trì dài ngày. Vào các ngày triều cường, mặn tăng cao từ 3-5 ngày sau đó giảm lại theo triều nên các cửa cống không vận hành lấy được nước chỉ bị ảnh hưởng trong thời đoạn ngắn. So với cùng thời kỳ năm 2017-2018 nồng độ mặn cao hơn 0,1g/l – 1,4g/l và thấp hơn từ 3g/l đến 15,7 g/l so với thời kỳ mùa khô năm 2015-2016. Chiều sâu mặn xâm nhập lớn nhất từ đầu mùa khô đến ngày 4/4/2019 tại các cửa sông khoảng 35-45km, so với cùng thời kỳ năm 2017-2018 sâu hơn từ 2 đến 5km và so mùa khô năm 2015-2016 thấp hơn từ 12 – 25km.
- Khu vực ven biển Tây, trên sông Cái Lớn: Mặn biến nhanh từ đầu Tháng 3/2019 và đạt đỉnh cuối tháng 3/2019. Chiều sâu xâm nhập mặn lớn nhất từ đầu mùa khô đến nay (ngày 04/4/2019) khoảng 58km, so với cùng thời kỳ mùa khô năm 2017-2018 sâu hơn gần 6km nhưng vẫn thấp hơn khoảng 10km so với cùng thời kỳ mùa khô năm 2015-2016.

3. DỰ BÁO TIỀM NĂNG NGUỒN NƯỚC MÙA KHÔ THÁNG 4 NĂM 2019 VỀ ĐBSCL, DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC 3 VÙNG VÀ ẢNH HƯỞNG VIỆC GIẢM NƯỚC TỪ THỦY ĐIỆN TRUNG QUỐC

Việc giảm nước từ Thủy điện Trung Quốc theo thông báo ngày 8/4/2019 được xem là không ảnh hưởng đến kết quả dự báo đã phát đi trong tuần từ ngày 5/4 đến ngày 12/4/2019, cụ thể như đưa ra dưới đây.

Dự báo tiềm năng nguồn nước mùa khô năm 2019 cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long tính đến thời điểm hiện nay, lượng nước về đồng bằng từ thượng nguồn Mê Công đã chuyển từ dưới trung bình nhiều năm lên trên trung bình nhiều năm từ 27/12/2018. Nguồn nước điều tiết từ hồ Tonle Sap hiện coi như đã hết. Nguồn nước về ĐBSCL hiện ở mức tương đương 2017.

Dự báo lưu lượng về ĐBSCL qua Kratie trong thời gian tới còn duy trì ở mức cao, lưu lượng bình quân ở mức 4.000-5.000 m³/s trong tháng 1. Sang tháng 2 lưu lượng giảm xuống 3.800 m³/s, tháng 3 lưu lượng đạt hơn 4.500 m³/s. Dự báo tháng 4 gia tăng từ điều tiết thủy điện vẫn còn, lưu lượng bình quân tháng có thể trên 4.000 m³/s tuy nhiên có thể có thời gian giảm đột ngột phụ thuộc vào sự điều tiết từ vận hành thủy điện



Hình 4: Diễn biến lưu lượng về qua trạm Kratie, và dự báo tuần từ 12/4/2019

Theo dự báo của Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia, trong Tháng 3 và 4, nhiệt độ trung bình ở mức cao hơn từ 0,5 đến 1,0 độ C so với trung bình nhiều năm cùng thời kỳ, lượng mưa ở mức thấp hơn so với trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Từ 4/4 đến 14/4 có mưa rào và dông rải rác.

Với đặc điểm nguồn nước như hiện nay, dưới đây là dự báo nguồn nước cho 3 vùng Đồng bằng sông Cửu Long:

- Vùng thượng ĐBSCL, bao gồm phần đất tỉnh An Giang, Đồng Tháp, thượng nguồn Long An, Kiên Giang và TP. Cần Thơ được xem là thuận lợi hơn về nguồn nước so với các vùng khác trên đồng bằng. Dự báo đầu tháng 4/2019, mực nước bình quân ở mức thấp hơn 2018 cùng thời kỳ vào khoảng 10-20 cm.

- Vùng giữa ĐBSCL, bao gồm phần đất thuộc TP. Cần Thơ, tỉnh Tiền Giang, Long An, Kiên Giang, Hậu Giang, Đồng Tháp, tỉnh Vĩnh Long và vùng được kiểm soát mặn ở Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bến Tre. Các vùng cấp Sông Tiền và Sông Hậu có thể bị ảnh hưởng bởi triều cường trong tháng 4/2019. Mặn bất thường có thể ảnh hưởng đến các vùng cửa sông Mê Công thuộc Bến Tre, Sóc Trăng và Trà Vinh do vận hành của các công trình thủy điện ở thượng nguồn và thời tiết cực đoan vì vậy cần cập nhật theo dõi dự báo thường xuyên. Tương tự mặn bất thường có thể xảy ra trên phía sông Vàm Cỏ do thời tiết nắng nóng và gia tăng lấy nước ở vùng Đồng Tháp Mười.

- Vùng ven biển ĐBSCL: bao gồm ven biển các tỉnh ven biển ĐBSCL (Long An, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau và tỉnh Kiên Giang) trong tháng 1 và 2 mặn có sâu hơn 5-10km so với 2017-2018. Dự báo tháng 4 lưu lượng còn duy trì cao, tuy nhiên việc gia tăng lấy nước trên đồng bằng do nắng nóng nên xâm nhập mặn các cửa sông ven biển có thể sâu hơn so với 2017, vì vậy, cần tăng cường công tác giám sát mặn và cần cập các bản tin dự báo thường xuyên, và chủ động tích trữ nước.

Dự báo các ảnh hưởng từ việc giảm xả nước từ thủy điện Trung Quốc sẽ ảnh hưởng đến ĐBSCL thời gian từ 28/4 đến 6/5/2019, trùng với kỳ triều cường, vì vậy mặn có thể vào sâu hơn trong thời kỳ này

4. KHUYẾN NGHỊ SẢN XUẤT VÀ QUẢN LÝ NƯỚC VỤ ĐÔNG XUÂN VÀ HÈ THU 2019

Từ kết quả dự báo tiềm năng nguồn nước mùa khô năm 2019, nước về ít ngay từ đầu mùa khô và có thể xảy ra những biến động bất thường ở bất cứ thời điểm nào. Vì vậy, các địa phương cần chủ động chuẩn bị các giải pháp ứng phó, phòng chống hạn mặn. Thêm vào đó, các ảnh hưởng của việc giảm xả từ thủy điện Trung Quốc có thể ảnh hưởng trong giai đoạn cuối tháng 4. Dưới đây là một số khuyến cáo cho từng vùng:

- Vùng thượng ĐBSCL: nguồn nước đến hiện tại được xem là thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, cần chủ động điều tiết nước và bơm tát đảm bảo an toàn cho sản xuất vụ Hè Thu.

- Vùng giữa ĐBSCL: nguồn nước đến hiện tại được xem là còn thuận lợi nhưng cần đề phòng ảnh hưởng mặn vào các ngày triều cường; khi lấy ngọt hoặc tưới cho cây trồng cần kiểm tra chặt chẽ độ mặn, nhất là đối với cây ăn quả, vùng giáp ranh với mặn cần chủ động tích nước **giai đoạn từ 21-26/4 để đề phòng mặn xâm nhập do ảnh hưởng của giảm xả từ thủy điện Trung Quốc.**

- Vùng ven biển ĐBSCL: nguồn nước ngọt có nguy cơ bị thiếu hụt, dự báo xâm nhập mặn trong Tháng 4,5 tại các cửa sông Cửu Long có khả năng ở mức tương tự mùa khô năm 2017. Các khu vực từ 40-50 km trở vào có khả năng tranh thủ khai thác nguồn nước ngọt, mặn có thể xuất hiện vào lúc triều cường. Trong Tháng 4, cần chủ động tích nước giai đoạn từ 21-26/4 để đề phòng mặn xâm nhập thêm do ảnh hưởng của giảm xả từ thủy điện Trung Quốc.

5. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

Với các diễn biến dòng chảy cập nhật về đồng bằng đến hiện nay, xu thế gia tăng dòng chảy do sự điều tiết gia tăng của thủy điện trong khi lượng điều tiết từ biển hồ Tonle Sap giảm, nền nhiệt độ tăng, mưa ít. Do đó, diễn biến xâm nhập mặn mùa khô năm 2019 có khả năng có mặn xâm nhập sâu 40-50km ở tháng 4; nhất là trong các đợt triều cường kết hợp gió chướng độ mặn có thể tăng cao đột ngột hơn so với dự báo.

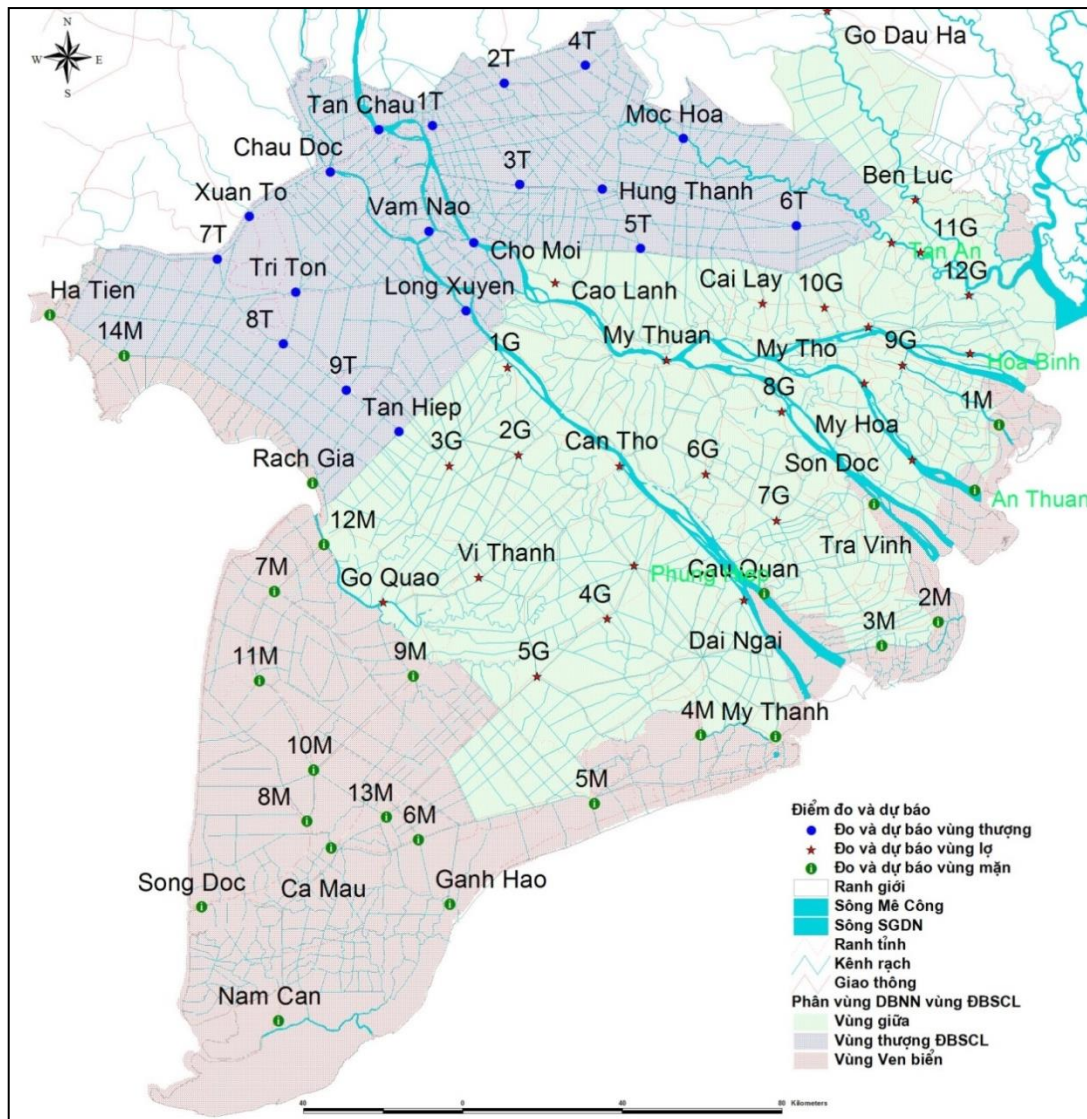
Dự báo việc giảm xả nước từ Thủy điện Cảnh Hồng **ảnh hưởng đến ĐBSCL từ 28/4 đến 6/5, cần đề phòng các rủi ro do hạn, mặn gây ra**, các địa phương cần có kế hoạch chủ động sản xuất, bố trí mùa vụ, vận hành hệ thống công trình hợp lý, chuẩn bị các giải pháp ứng phó ngay từ thời điểm hiện nay. Đồng thời tăng cường công tác giám sát mặn, cập nhật các bản tin dự báo thường xuyên để điều chỉnh kế hoạch phù hợp với các diễn biến nguồn nước.

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN NAM

Ghi chú :

- Việc dự báo nguồn nước mùa khô đang được thực hiện tại Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam theo sự phân công của Bộ. Bản tin dự báo sẽ được tiếp tục cập nhật các tuần kế tiếp và được đăng trên Website: <http://www.siwrr.org.vn>
- Ngoài ra để phục vụ kịp thời cho sản xuất, kính đề nghị các địa phương có các thông tin về tình hình xâm nhập mặn, nguồn nước, sản xuất hoặc có yêu cầu khác xin gửi về Viện theo email: vkhtmlmn@gmail.com; dbnn.dbscl19@gmail.com và tcnbvm@gmail.com./.

Phụ lục 1: Vị trí các điểm dự báo mực nước



Phụ lục 2: Dự báo mực nước lớn nhất các vùng

STT	Trạm	04/04	Ngày dự báo							
			05/04	06/04	07/04	08/04	09/04	10/04	11/04	12/04
I. Vùng Thượng đồng bằng										
1	2T	0.72	0.76	0.80	0.82	0.83	0.82	0.85	0.86	0.90
2	3T	0.86	0.89	0.91	0.96	0.99	1.01	1.02	0.97	0.98
3	4T	0.27	0.30	0.34	0.36	0.39	0.42	0.45	0.46	0.63
4	5T	0.34	0.38	0.43	0.46	0.48	0.49	0.49	0.50	0.50
5	6T	0.43	0.46	0.50	0.55	0.59	0.60	0.61	0.61	0.62
6	7T	0.22	0.23	0.25	0.27	0.30	0.31	0.33	0.33	0.33
7	8T	0.26	0.28	0.31	0.33	0.35	0.39	0.41	0.41	0.42
8	9T	0.23	0.26	0.29	0.31	0.34	0.38	0.40	0.40	0.41
9	Châu Đốc	1.18	1.24	1.28	1.30	1.30	1.25	1.28	1.30	1.21
10	Hưng Thạnh	0.53	0.58	0.61	0.65	0.69	0.72	0.75	0.75	0.76
11	Long Xuyên	1.11	1.16	1.22	1.26	1.28	1.26	1.24	1.19	1.05
12	Mộc hóa	0.36	0.39	0.43	0.47	0.50	0.52	0.52	0.52	0.56

13	Tân Châu	1.16	1.22	1.25	1.27	1.26	1.21	1.25	1.26	1.17
14	Tân Hiệp	0.20	0.23	0.26	0.29	0.32	0.36	0.38	0.39	0.40
15	Tri Tôn	0.28	0.30	0.33	0.35	0.37	0.41	0.43	0.43	0.44
16	Vàm Nao	1.18	1.20	1.21	1.26	1.29	1.30	1.28	1.18	1.19
17	Xuân Tô	0.24	0.25	0.27	0.29	0.32	0.33	0.35	0.35	0.35
II. Vùng Giữa đồng bằng										
1	10G	0.85	0.91	0.93	0.92	0.87	0.90	0.89	0.81	0.69
2	1G	1.02	1.09	1.16	1.20	1.21	1.16	1.16	1.07	0.95
3	2G	0.98	1.06	1.13	1.17	1.17	1.11	1.12	1.01	0.90
4	4G	0.73	0.79	0.83	0.85	0.82	0.84	0.84	0.71	0.58
5	5G	0.71	0.77	0.81	0.83	0.80	0.82	0.82	0.69	0.56
6	8G	1.07	1.14	1.16	1.17	1.18	1.12	1.10	0.98	0.97
7	9G	1.21	1.24	1.20	1.26	1.29	1.23	1.16	1.01	0.94
8	Bến Lức	0.83	0.86	0.92	1.02	1.07	1.02	0.98	0.94	0.94
9	Cần Thơ	0.93	1.02	1.09	1.14	1.13	1.05	1.07	0.95	0.84
10	Cao Lãnh	1.10	1.14	1.16	1.15	1.21	1.24	1.24	1.18	1.12
11	Gò Dầu Hạ	0.37	0.43	0.44	0.70	0.74	0.66	0.60	0.59	0.62
12	Vàm Kênh	0.97	1.08	1.15	1.15	1.10	1.03	0.97	0.92	0.80
13	Mỹ Hoà	1.11	1.15	1.14	1.16	1.19	1.11	1.08	0.92	0.95
14	Mỹ Tho	1.31	1.32	1.26	1.35	1.39	1.34	1.24	1.09	0.93
15	Mỹ Thuận	1.02	1.12	1.17	1.18	1.16	1.12	1.11	1.04	0.98
16	Phụng Hiệp	0.75	0.81	0.85	0.87	0.84	0.86	0.86	0.73	0.60
17	Tân An	1.00	0.99	1.04	1.12	1.13	1.10	1.05	0.98	0.92
18	Vị Thanh	0.25	0.28	0.32	0.35	0.36	0.37	0.40	0.41	0.42
III. Vùng ven biển										
1	10M	0.32	0.34	0.40	0.44	0.46	0.47	0.47	0.49	0.50
2	12M	0.14	0.14	0.21	0.27	0.31	0.38	0.40	0.43	0.45
3	13M	0.34	0.36	0.42	0.46	0.48	0.49	0.49	0.51	0.52
4	6M	0.29	0.31	0.37	0.41	0.43	0.44	0.44	0.46	0.47
5	7M	0.13	0.13	0.20	0.26	0.30	0.37	0.39	0.42	0.44
6	8M	0.31	0.33	0.39	0.43	0.45	0.46	0.46	0.48	0.49
7	9M	0.27	0.29	0.35	0.39	0.41	0.42	0.42	0.44	0.45
8	Cà Mau	0.33	0.35	0.41	0.45	0.47	0.48	0.48	0.50	0.51
9	Rạch Giá	0.00	0.01	0.07	0.14	0.21	0.24	0.32	0.34	0.36

Phụ lục 3: Thông báo giảm xả nước từ thủy điện Cảnh Hồng

